TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: *26-6- 2018*
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 4, KP. Trung Lợi, TT. C, huyện M, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống và kết hôn từ năm 2008 tại UBND thị trấn C, hôn nhân giữa chị Tuyết và anh D là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc và được sự thống nhất của hai bên gia đình cho tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn chị T chưa có chồng và anh D chưa có vợ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thị trấn Chơn Thành cho đến nay. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc và vui vẽ, nhưng từ năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi mắng đánh đập chị T nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, vì vậy mà vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên chị T đã ly

thân từ tháng 10/2017 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/06/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải cấp nuôi con. Tuy nhiên, vào ngày 18/04/2018 chị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình về con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Anh D thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện chung sống và kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng thì anh D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 4, khu phố Trung Lợi, thị trấn C, huyện M cho đến nay. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ tháng 11/2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T đi làm về khuya anh D có quan tâm đến vợ gọi điện nhưng chị T không nghe máy, nhiều lúc do có nhậu nhẹt về nhà có chữi mắng đánh đập chị T làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng nên chị T bỏ đi từ tháng 11/2017 cho đến nay. Anh D biết việc làm của mình là sai và muốn được khắc phục để vợ chồng đoàn tụ. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh D không đồng ý vì anh D còn thương vợ thương con và mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Anh D thống nhất giữa anh D và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/06/2009. Hiện nay con đang sống với anh D. Trường hợp phải ly hôn thì anh D yêu cầu được nuôi cháu Trọng và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh không đồng ý ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 57,58,59,60 và Điều 209 của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh D, về con chung chị T có đơn rút yêu cầu về con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn anh Nguyễn Thanh D có nơi cư trú tại tổ 4, khu phố Trung lợi, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

{2}Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1}Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị T cho rằng thời gian đầu thì vợ chồng vui vẽ hạnh phúc nhưng từ năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D rượu chè về nhà đánh đập mắng chửi chị T nhiều lần chị làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, không thể chung sống được với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D. Anh D không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con, muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chị T không đồng ý và kiên quyết yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh D mặc dù anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh D cũng thừa nhận vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn cũng như việc anh đánh đập chị T nhiều lần. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh D.

{2.2}Về nuôi con chung: Hội đồng xét thấy chị T và anh D có Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/06/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vào ngày 18/4/2018 chị T có đơn rút yêu cầu khởi kiện của mình về phần nuôi con chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét việc rút đơn của chị T là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng chấp nhận.

{2.3}Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị T không yêu cầu giải quyết.

{2.4}Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh D

2. *Về nuôi con chung*: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về phần nuôi con chung.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Phạm Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009077 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Thành **Phạm Xuân Đính** **Ung Thị Ngọc Thanh**